TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2018 DS-ST
Ngày 31/10/2018.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M , TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Căn và bà Nguyễn Ái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuấn, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố M

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST- DS ngày 24/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam

Trụ sở: Văn phòng L8-01-11+16, lầu 8 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Th, chức vụ: Giám giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh . Ông Hoàng Văn Th ủy quyền lại cho bà Lý Thị Kim D , chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu V iệt Nam - phòng giao dịch M (văn bản ủy quyền số 04/2018/EIBQN-UQ ngày 15/6/2018). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà xx, phố H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: Số xx, đường T, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.- Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thùy , sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT: Số nhà xx, phố H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: Số xx, đường T, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện : Anh Hoàng Tuấn A có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng), cụ thể:

Ngày 27/4/2015, hai bên ký kết hợp đồng tín d ụng số 1902-LAV-201500055, phần nhận nợ của khách hàng số 1900-LDS-201500081 ngày 27/4/2015 và ngày 01/6/2017 ký kết phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ . Theo đó, Ngân hàng cho anh A vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), tài sản bảo đảm : không; thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 27/4/2015 đến 27/4/2025; mục đích vay là sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị gia đình ; thời điểm trả nợ gốc và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7%/năm; lãi suất quá hạn : 150% mức lãi suất được công bố từng thời kỳ . Tuy nhiên đến ngày 15/7/2017, anh A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình t hực hiện hợp đồng , anh A đã trả cho Ngân hàng số tiền gố c là 9.100.000đ (tính đến ngày 15/7/2017) và tiền lãi là 5.905.920đ (tính đế n ngày 14/7/2017).

Ngày 05/8/2015, hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng t ín dụng số 1902-LAV - 201500112 và phần nhận nợ của khách hàng số 1902-LDS-201500172 ngày 05/8/2015 và phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/6/2017. Theo đó, Ngân hàng cho anh A vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tài sản bảo đảm : không; thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 05/8/2015 đến 05/8/2025; mục đích vay: tiêu dùng; thời điểm trả nợ gốc và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 7%/năm; lãi suất quá hạn:150% mức lãi suất được công bố từng t hời kỳ. Tuy nhiên đến ngày 15/7/2017, anh A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng , anh A đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 28.750.000đ (tính đến ngày 15/7/2017) và tiền lãi là 19.559.654đ (tính đến ngày 14/7/2017).

Do anh A vi phạm nghĩa vụ hợp đồ ng, nên Ngân hàng yêu cầu anh A phải trả hết số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên trong một lần.

Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của n guyên đơn bà Lý Thị Kim D yêu cầu Tòa án buộc: Anh A phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 152.150.000đ và nợ lãi tính đến ngày 31/10/2018 là 32.981.962đ.

Bị đơn anh Hoàng Tuấn A trình bày: Anh có việc ký kết hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng với Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam như nêu trên để vay tổng số tiền là 190.000.000đ, mục đích vay sửa chữa nhà, mua

sắm trang thiết bị gia đình và tiêu dùng . Đến ngày 15/7/2017 thì anh không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng vì kinh tế khó khăn anh không có khả năng thanh toán.

Tại phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt anh A đề nghị Ngân hàng không tính lãi nữa, còn đối với khoản nợ gốc còn lại anh sẽ trả 3.000.000đ/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thùy L trình bày: chị hoàn toàn không biết việc anh A ký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng để sử dụng vào mục đích sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị gia đình, tiêu dùng. Nay chị đề nghị căn cứ giải quyết theo quy định.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201500055 (01 bản sao); hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201500112 (01 bản sao); phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ (02 bản sao); chứng minh nhân dân (01 bản sao); sổ hộ khẩu (01 bản sao); biên bản làm việc (01 bản sao); thông báo nợ quá hạn (02 bản sao); giấy ủy quyền (01 bản sao, 01 bản chính); giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (01 bản sao); bảng kê tính lãi cho đến ngày xét xử (03 bản chính); hóa đơn thanh toán (03 bản photo); tình hình trả nợ vay của Hoàng Tuấn A (01 bản chính); giấy đề nghị vay vốn (02 bản photo); giấy cam kết (01 bản photo);

Tài liệu chứng cứ do bị đơn và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan cung cấp: Không.

Các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

Các tình tiết sự kiện không phải chứng minh : Việc vay nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật (theo hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201500055, phần nhận nợ của khách hàng số 1900-LDS-201500081 ngày 27/4/2015 và ngày 01/6/2017 ký kết phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ; hợp đồng tín dụng số 1902-LAV -201500112, phần nhận nợ của khách hàng số 1902-LDS-201500172 ngày 05/8/2015 và phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/6/2017).

Các nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được số nợ gốc và lãi suất của 02 hợp đồng tín dụng trên. Các đương sự không thống nhất được phương thức và thời hạn thanh toán số nợ gốc, lãi nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày , yêu cầu của đương sự , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết : Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam với anh Hoàng Tuấn A là tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền của anh A là sửa chữa nhà và mua sắm

trang thiết bị tiêu dùng. Trong quan hệ này chỉ có một bên có mục đích lợi nhuận nên thuộc tranh chấp dân sự ; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Móng Cái . Nên, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố M , tỉnh Quảng Ninh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam. Ngân hàng ủy quyền cho bà Lý Thị Kim D tham gia tố tụng phù hợp với quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Tuấn A. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thùy L.

Vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng và anh Hoàng Tuấn A, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ và cũng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nên, tại phiên tòa sơ thẩm không có đại diện Viện kiểm sát tham gia là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Đối với hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201500055 và phần nhận nợ của khách hàng số 1900-LDS-201500081 ngày 27/4/2015; phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/6/2017 thể hiện: Sau khi giải ngân , các bên đã thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng , tuy nhiên đến ngày 15/7/2017, anh Hoàng Tuấn A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết và nợ lãi tính đến ngày 14/7/2017.

Về số tiền nợ gốc và lãi đã trả: Tính đến ngày 15/7/2017, anh Hoàng Tuấn A đã trả số tiền gốc là 9.100.000đ; tiền lãi tính đ ến ngày 14/7/2017, anh Tuấn A đã trả 5.905.920đ.

[3.2] Đối với hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201500112, phần nhận nợ của khách hàng số 1902-LDS-201500172 đều ký ngày 05/8/2015 và phụ lục hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/6/2017 thể hiện: Sau khi giải ngân , các bên đã thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng, tuy nhiên đến ngày 15/7/2017, anh A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết và nợ lãi tính đến ngày 14/7/2017.

Về số tiề n nợ gốc và lãi đã trả : Tính đến n gày 15/7/2017, anh A đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ g ốc là 28.750.000đ; tiền lãi tính đến ngày 14/7/2017 là 19.559.654đ.

[3.3] Về xác định thời điểm vi phạm hợp đồng của anh Hoàng Tuấn A: Ngày 22/7/2017 anh A trả gốc và lãi cho Ngân hàng kỳ cuối c ùng (từ ngày 16/6/2017 đến ngày 15/7/2017), tuy nhiên đến kỳ trả gốc và lãi tiếp theo ngày 15/8/2017 thì anh A

không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, nên thời điểm vi phạm hợp đồng đối với số nợ gốc được tính từ ngày 16/7/2017 và nợ lãi được tính từ ngày 15/7/2017.

[3.4] Về lãi suất:

Theo mục 5.2 Điều 5 của hai hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng kiêm khế ước nhận nợ nêu trên thì lãi suất cho vay từ 01/6/2017 trở đi: Áp dụng lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay không có tài sản bảo đảm đối với khách hàng là cá nhân do Ngân hàng công bố từng thời kỳ. Vậy nên, căn cứ theo Thông báo lãi suất cho vay đối với khách hàng là cá nhân số 3997/2016/EIB/TB-TGĐ ngày 15/8/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam thì lãi suất trong hạn áp dụng đối với hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 14 % /năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/năm so với lãi suất trong hạn, nên lãi suất quá hạn là 21%/năm. Thời điểm phát sinh lãi quá hạn là từ ngày 15/7/2017. Xét thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu về tính lãi của Ngân hàng. Cụ thể:

- Đối với khoản nợ gốc 30.900.000đ (ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng): Tiền lãi trong hạn kể từ ngày 15/7/2017 đến ngày 31/10/2018 là: 5.696.853đ; tiền lãi quá hạn là 1.024.121đ.

- Đối với khoản nợ gốc là 121.250.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng): Tiền lãi trong hạn kể từ ngày 15/7/2017 đến ngày 31/10/2018 là: 22.353.819đ; tiền lãi quá hạn là 3.921.722đ.

Như vậy, tính đến ngày 31/10/2018, anh Hoàng Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 185.146.515đ (*một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 152.150.000đ và tiền lãi là: 32.996.515đ.

[3.5] Về nghĩa vụ trả nợ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thùy L là vợ hợp pháp của anh Hoàng Tuấn A. Tuy nhiên, chị L không biết việc anh A ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và anh A cũng không nói cho chị biết vay số tiền đó sử dụng vào mục đích gì, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết đây là khoản nợ riêng của anh A. Xét đề nghị của chị L trên cơ sở căn cứ vào hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy anh Hoàng Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, kéo dài thời gian trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu trả dần số tiền gốc và không tính lãi của anh Hoàng Tuấn A.

[4] Về án phí: Anh Hoàng Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải hoàn trả là 185.146.515đ (*một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng*) x 5% giá trị giá tài sản có tranh chấp là 9.257.325đ (*chín triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng*).

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.779.000đ (*tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng)* cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật . Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 90, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi năm 2017.

Áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ : Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam.

Buộc anh Hoàng Tuấn A phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam tổng số tiền là 185.146.515đ (*một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Hoàng Tuấn A chậm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam đối với số tiền nêu trên khi đến hạn thì anh Hoàng Tuấn A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Hoàng Tuấn A phải chịu 9.257.325đ (*chín triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng)* tiền án phí dân sự. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền 8.779.000đ *(tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001305 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án . Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân thành phố M nhận được bản án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án : Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án the o qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương